

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHUNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

Ban hành kèm Quyết định số 1840/QĐ-ĐHTL ngày 06/11/2020 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			43									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3	3								
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2		2							
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2			2						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2				2					
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2					2				
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Communication and Presentation Skills	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			21									
8	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2	2								
9	Vật lý đại cương	General Physics	PHYS121	Vật lý	3	3								
10	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3	3								
11	Hóa học đại cương	General Chemistry	CEG431	Hóa cơ sở	3		3							
12	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
13	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH233	Toán học	2		2							
14	Thí nghiệm hóa học đại cương	General Chemistry Laboratory	LCEG411	Hóa cơ sở	1		1							
15	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						
16	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistics	MATH254	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
17	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
18	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5*	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			112									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			20									
19	Đồ họa kỹ thuật	Technical Graphics	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	3			3						
20	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2			2						
21	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3				3					
22	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1				1					
24	Hóa Phân tích	Analytical chemistry	CEA424	Kỹ thuật Hóa học	2				2					
25	Thí nghiệm hóa học phân tích	Analytical chemistry Laboratory	LCEA414	Kỹ thuật Hóa học	1				1					
23	Thủy lực công trình	Environmental Hydraulics	ENHY325	Thủy lực	3					3				
26	Thủy văn công trình	Environmental Hydrology	ENHY346	Thủy văn và tài nguyên nước	3					3				
27	Hóa học môi trường	Environmental Chemistry	EES226	Hóa cơ sở	2			2						
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			37									
28	Giới thiệu ngành kỹ thuật môi trường	Introduction to Environmental Engineering	ENVE111	Kỹ thuật môi trường	2	2								
29	Luật và chính sách Môi trường	Environmental law and policy		Quản lý môi trường	2		2							
30	Sinh thái học	Ecology	ECOL214	Công nghệ sinh học	2			2						
31	Cơ sở về ô nhiễm không	Elements of Air Pollution	EES116	Kỹ thuật môi trường	2			2						
32	Vi sinh vật học môi trường	Environmental	EV315	Kỹ thuật môi trường	3				3					
33	Quá trình hóa sinh trong công nghệ môi trường	Biochemical process in environmental technology	BPET316	Kỹ thuật môi trường	2					2				
34	Quản lý tài nguyên môi trường	Environmental Resources Management	EV316	Quản lý môi trường	3				3					
35	Các quá trình sản xuất cơ bản trong công nghệ môi trường	Basic Production Processes in environmental technology	EV428	Kỹ thuật môi trường	2		2							
35	Thí nghiệm vi sinh vật học môi trường	Environmental microbiology Lab	LEV315	Kỹ thuật môi trường	1					1				
36	Phân tích môi trường	Environmental Analysis	EV225	Hóa cơ sở	2					2				

[illegible]

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
55	Quản lý chất lượng nước	Water quality management	EV417	Quản lý môi trường	3								3	
56	Quy hoạch môi trường	Environmental planning	EV215	Quản lý môi trường	3								3	
57	Đồ án thiết kế kiểm soát chất thải rắn	Minor project for solid waste control design	EV228	Kỹ thuật môi trường	1								1	
II.4	Học phần tốt nghiệp	Graduation thesis			13									
58	Thực tập ngành kỹ thuật môi trường	Practices and experiments on Environmental Engineering	EV316	Kỹ thuật môi trường	3									3
59	Đồ án tốt nghiệp	Graduation thesis		Kỹ thuật môi trường	10									10
II.5	Kiến thức tự chọn	Selectives			9						3	3	3	
1	ISO14000 và kiểm toán môi trường	ISO14000 and Environmental Auditing	EV418	Quản lý môi trường	3						3			
2	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	Thermal Transmission process in environmnetal technology	EV438	Kỹ thuật môi trường	3						3			
3	Độc học môi trường	Environmental Toxicity	EV448	Kỹ thuật môi trường	3							3		
4	Môi trường, sức khỏe và an toàn	Environment, Health and Safety	NSP417	Quản lý môi trường	3							3		
5	Tự động hóa và thiết bị đo đặc trong thiết kế hệ thống xử lý môi trường	Automation and equipments in designing of environmental treatment system	EV447	Kỹ thuật môi trường	3								3	
6	Quản lý môi trường khu công nghiệp	Environmental Management for Industrial Zones	EVE438	Quản lý môi trường	3								3	
	Tổng cộng (I + II)	Total			155	15	18	20	18	19	18	18	16	13